**PHỤ LỤC SỐ 04**

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU
*(Ban hành kèm theo Quy định tại Thông tư số 16/2023/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**I. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU DỮ KIỆN**

***1. Quy trình triển khai và thành phần công việc***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Hạng viên chức tham gia** |
| 1. | Tiếp nhận thông tin về nhu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu dữ kiện | Hạng III bậc 3/9 |
| 2. | Tổng hợp thông tin chi tiết về dữ kiện | Hạng III bậc 3/9 |
| 3. | Nghiên cứu nguồn tài nguyên thông tin, đề xuất danh mục tài nguyên thông tin phù hợp với dữ kiện | Hạng III bậc 6/9 |
| 4. | Kiểm tra và duyệt danh mục tài nguyên thông tin | Hạng II bậc 2/8 |
| 5. | Lựa chọn, tạo lập cơ sở dữ liệu dữ kiện từ tài nguyên thông tin theo danh mục được duyệt. | Hạng III bậc 6/9 |
| 6. | Kiểm tra, rà soát, chuẩn hóa thông tin và trao đổi với bộ phận xử lý tài nguyên thông tin | Hạng III bậc 6/9 |
| 7. | Liên hệ bộ phận nhập liệu để bổ sung các thông tin còn thiếu hoặc không chính xác trong biểu ghi | Hạng III bậc 6/9 |
| 8. | Hiệu chỉnh biểu ghi | Hạng II bậc 2/8 |
| 9. | Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt | Hạng II bậc 2/8 |
| 10. | Xuất cơ sở dữ liệu dữ kiện theo yêu cầu | Hạng II bậc 2/8 |

***2. Bảng định mức***

*Đơn vị tính: 01 cơ sở dữ liệu*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị tính** | **Trị số định mức hao phí** |
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| **1** | **Nhân công** |   |   |
|   | ***Lao động trực tiếp*** |   |   |
| Thư viện viên Hạng II bậc 2/8 | Công | 1,125 |
| Thư viện viên Hạng III bậc 6/9 | Công | 1,5 |
| Thư viện viên Hạng III bậc 3/9 | Công | 0,375 |
| Lao động gián tiếp (tương đương 15%) | Công | ***0,45*** |
| **2** | **Máy móc, thiết bị sử dụng** |   |   |
|   | Máy chủ | Ca | 1 |
| Máy tính có kết nối Internet | Ca | 0,00164 |
| Máy in Laser A4 | Ca | 0,00164 |
| Thiết bị lưu trữ |   | Theo thực tế của cơ sở dữ liệu |
| **3** | **Vật liệu sử dụng** |   |   |
|   | Giấy A4 | Tờ | 180 |
| Mực in | Hộp | 0,12 |
| Vật liệu phụ | % | 10 |

***Ghi chú:***

a) Định mức này áp dụng đối với dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu dữ kiện với dung lượng dưới 100 biểu ghi, trường hợp số lượng biểu ghi nhiều hơn được tính theo bước số nhảy, mỗi 50 biểu ghi tăng được tính tăng 20% tổng định mức.

b) Các thiết bị máy chủ vận hành liên tục 24/24 giờ với tần suất 07 ngày/tuần, căn cứ điều kiện thực tiễn, áp dụng định mức chuyên ngành công nghệ thông tin hoặc cách tính hao phí quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

b) Trong định mức chưa bao gồm các chi phí được xác định tại khoản 3 Điều 5 của Quy định này.

**II. ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TOÀN VĂN**

**1. Quy trình triển khai và thành phần công việc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung công việc** | **Hạng viên chức tham gia** |
| 1. | Tiếp nhận kết quả xử lý tài liệu số | Hạng II bậc 2/8 |
| 2. | Xử lý liên kết biểu ghi sẵn có của tài liệu số với biểu ghi của tài liệu truyền thống | Hạng II bậc 2/8 |
| 3. | Tổng hợp dữ liệu mô tả của biểu ghi tài liệu số vào danh mục | Hạng II bậc 2/8 |
| 4. | Hiệu đính dữ liệu mô tả biểu ghi tài liệu số trong thư mục | Hạng II bậc 5/8 |
| 5. | Tạo điểm liên kết từng biểu ghi tài liệu trong danh mục với các tệp tin tài liệu số | Hạng II bậc 2/8 |
| 6. | Đóng gói dữ liệu | Hạng II bậc 2/8 |
| 7. | Nhập dữ liệu hàng loạt vào hệ thống | Hạng II bậc 5/8 |
| 8. | Sao lưu dữ liệu số trên hệ thống | Hạng II bậc 5/8 |

**2. Bảng định mức**

*Đơn vị tính: 01 biểu ghi (01 tài liệu)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thành phần hao phí** | **Đơn vị tính** | **Trị số định mức hao phí** |
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| **1** | **Nhân công** |   |   |
|   | ***Lao động trực tiếp*** |   |   |
| Thư viện viên Hạng II bậc 2/8 | Công | 0,11458 |
| Thư viện viên Hạng II bậc 5/8 | Công | 0,04167 |
| ***Lao động gián tiếp (tương đương 15%)*** | Công | ***0,02344*** |
| **2** | **Máy móc, thiết bị sử dụng** |   |   |
|   | Máy tính có kết nối Internet | Ca | 0,00009 |
| Thiết bị lưu trữ |   | Theo thực tế của cơ sở dữ liệu |

***Ghi chú:***

a) Các thiết bị máy chủ phải vận hành liên tục 24/24 giờ với tần suất 07 ngày/tuần, căn cứ điều kiện thực tiễn, áp dụng tính hao phí được quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC hoặc các quy định chuyên ngành.

b) Trong định mức chưa bao gồm các chi phí được xác định tại khoản 3 Điều 5 của Quy định này.